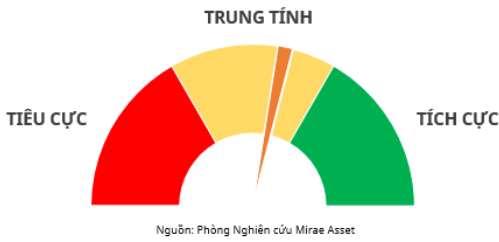


Thang đo sức mạnh thị trường



12 Tháng Ba 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,181.56	1.10	5.98	53.60
HNX	273.91	5.43	21.79	168.75
UPCOM	80.33	2.26	8.83	57.76
MSCI EM	1,357.60	1.37	-4.99	53.73
NIKKEI	29,717.83	2.96	0.67	60.12
HANG SENG	28,739.72	-1.23	-4.75	18.23
KOSPI	3,054.39	0.93	-1.49	66.51
FTSE	6,723.21	1.40	2.02	28.37
S&P 500	3,939.34	4.53	0.11	58.80
NASDAQ	13,398.67	5.31	-4.94	86.05

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.22	2.47	13.70
SET INDEX	34.01	1.72	4.35
JCI INDEX	34.33	1.65	4.12
PCOMP INDEX	30.20	1.65	6.15

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-200
5 năm	1.08	0	4	-73
10 năm	2.36	0	13	2

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,057	-0.10	-0.26	0.58
US\$/KRW	1,134	-0.69	-2.37	6.43
US\$/JPY	109	-0.72	-3.80	-4.08
US\$/EUR	0.84	-0.20	1.55	-6.29
US\$/GBP	0.72	-0.73	-0.61	-9.84
US\$/SGD	1.35	-0.30	-1.56	4.70

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	585	595	311
HNX	112	90	38
UPCOM	44	42	19

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Hồi phục trở lại vùng 1.180, VN-Index đang đi ngang trước biến động lớn?

Khởi đầu không khả quan, VN-Index đã có diễn biến giảm về vùng 1.150, giảm 18 điểm so với mức đóng cửa của tuần trước. Hồi phục từ vùng 1.150, chỉ số đã có 2 phiên tăng trên 10 điểm và phiên cuối tuần giảm nhẹ, chốt tuần tại ngưỡng 1.181,56 VN-Index ghi nhận mức hồi phục 12,87 điểm (+1,1%).

Nhóm 10 mã ảnh hưởng lớn nhất có tác động giúp VN-Index tăng gần 10 điểm trong tuần, dẫn đầu là GVR với mức tăng 6,37% đã giúp VN-Index tăng 1,97 điểm, tiếp theo là VPB tăng 6,46% giúp chỉ số tăng 1,77 điểm. VHM đứng thứ 3 khi tăng 1,52% đã giúp VN-Index tăng 1,32 điểm. OCB là cổ phiếu ghi nhận mức tăng mạnh nhất trong top 10, mã này đã tăng 16,78% giúp VN-Index tăng 1,04. Chiều giảm điểm, PLX dẫn đầu danh sách với mức giảm 4,14% kéo VN-Index giảm 0,78 điểm.

Khối ngoại bán ròng cả 5 phiên giao dịch trong tuần, điểm tích cực khi giá trị bán ròng đã giảm dần vào cuối tuần, từ mức trên 1.200 tỷ trong phiên đầu tuần, đến cuối tuần khối này chỉ còn bán ròng chưa đến 100 tỷ. Tổng cộng khối ngoại đã bán ròng hơn 3.250 tỷ đồng trong tuần. VNM là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị 837 tỷ đồng, tiếp theo là POW với giá trị bán ròng trên 430 tỷ đồng.

VN-Index đã có diễn biến đi ngang vùng 1.150 – 1.200 từ sau phiên 17/02 cũng là phiên thị trường giao dịch trở lại sau kỳ nghỉ tết Âm lịch. Chỉ số đã có 3 tuần đi ngang và nhiều khả năng đây là dấu hiệu cho việc bắt đầu xu hướng biến động lớn sắp tới. NĐT nên chú ý các ngưỡng cận trên và cận dưới của VN-Index là các mức 1.200 và 1.150, chúng tôi đánh giá khả năng biến động lớn sẽ xuất hiện nếu 1 trong 2 vùng trên bị vượt qua. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức +2 (TRUNG TÍNH)

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, Phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	0	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- **Thị trường trái phiếu:** Trong tuần KBNN đã huy động thành công 3.650 tỷ đồng, tương đương 60,8% tổng giá trị gọi thầu, đáng chú ý khi toàn bộ 1.000 tỷ đồng giá trị trái phiếu kỳ hạn 7 năm đã được chào bán thành công tại mức lợi suất 1,46% (+1bps). Trong khi đó tại các kỳ hạn khác, tỷ lệ thành công lần lượt như sau: (1) Kỳ hạn 5 năm thành công 600 / 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 1,06% (+3bps); (2) Kỳ hạn 10 năm thành công 1.050 / 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,22% (+5bps), và (3) Kỳ hạn 15 năm thành công 1.000 / 2.000 tỷ đồng tại mức 2,45% (+5bps). Diễn biến này cho thấy nhu cầu thị trường vẫn duy trì ở mức thấp, tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu ở mức 2,27 lần so với 2,35 lần của tháng 2 và 3 lần của tháng 3
- Ngày 17/03 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 6.500 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 7 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (4) kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng và (5) kỳ hạn 30 năm có giá trị 500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tại ngày 10/03, hầu hết các kỳ hạn tiếp tục giảm, cụ thể các kỳ hạn O/N, 1 tuần, 2 tuần, 3 tháng, 6 tháng lần lượt giảm về các mức 0,29% (-2bps), 0,41% (-6bps), 0,49% (-9bps), 1,43% (-13bps), 2,72% (-90bps). Duy nhất kỳ hạn 1 tháng ghi nhận mức tăng 36bps lên 1,6%.
- **Tỷ giá VND/USD tham chiếu** tại ngày 12/03/21 của NHNN trong tuần đã tăng 0,073% lên mức 23.183 VND/USD. Tỷ giá NHTM đã có biến động cùng chiều khi tăng lên mức 22.930 – 23.140 VND/USD. Trong khi đó tỷ giá tự do đã giảm 0,126% ở chiều mua và giữ nguyên ở chiều bán, ghi nhận mức 23.750 – 23.830 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

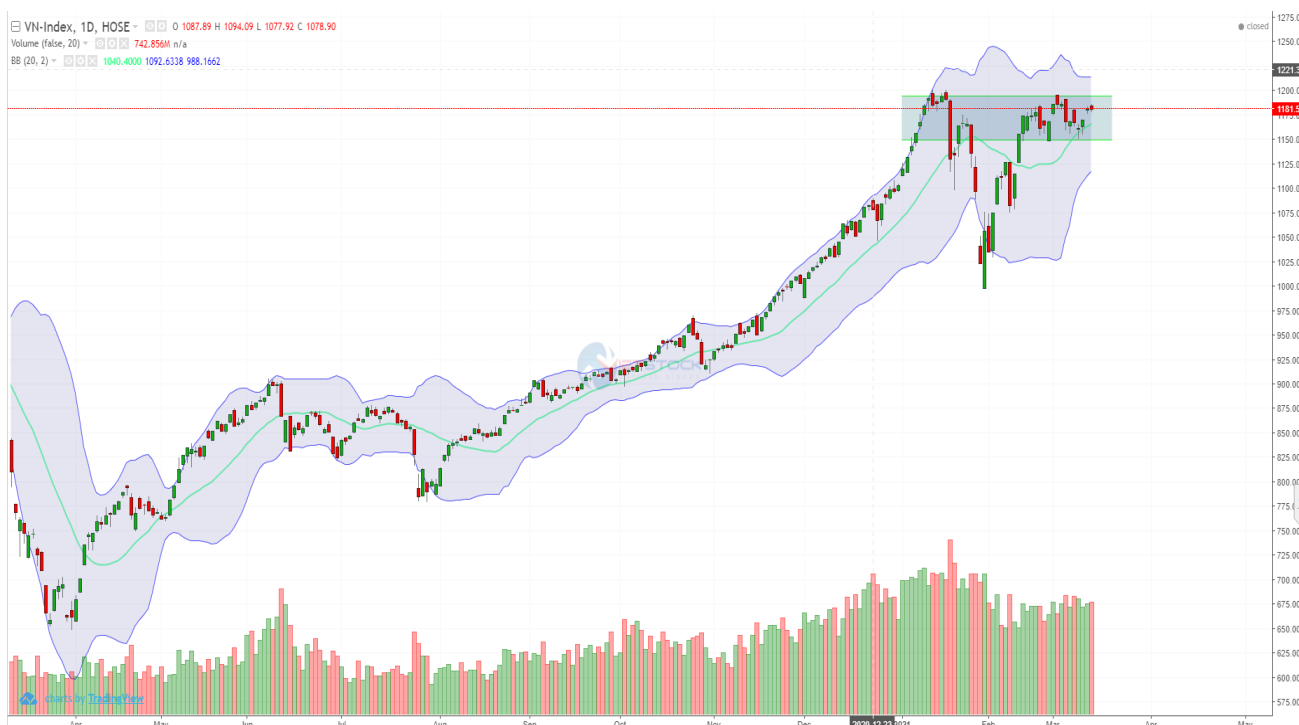
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (05/02/2021)	1.181,56 (+1,1% WoW)	Kháng cự 1 1.186
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.200
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.150
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.100

VN-Index đang có diễn biến đi ngang vùng 1.150 – 1.200, diễn biến này đã được duy trì trong 3 tuần tạo độ nén lớn. Khi vượt các ngưỡng cận trên (1.200) hoặc cận dưới (1.150) nhiều khả năng xu hướng biến động lớn sẽ xuất hiện. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức +2 (**TRUNG TÍNH**).

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

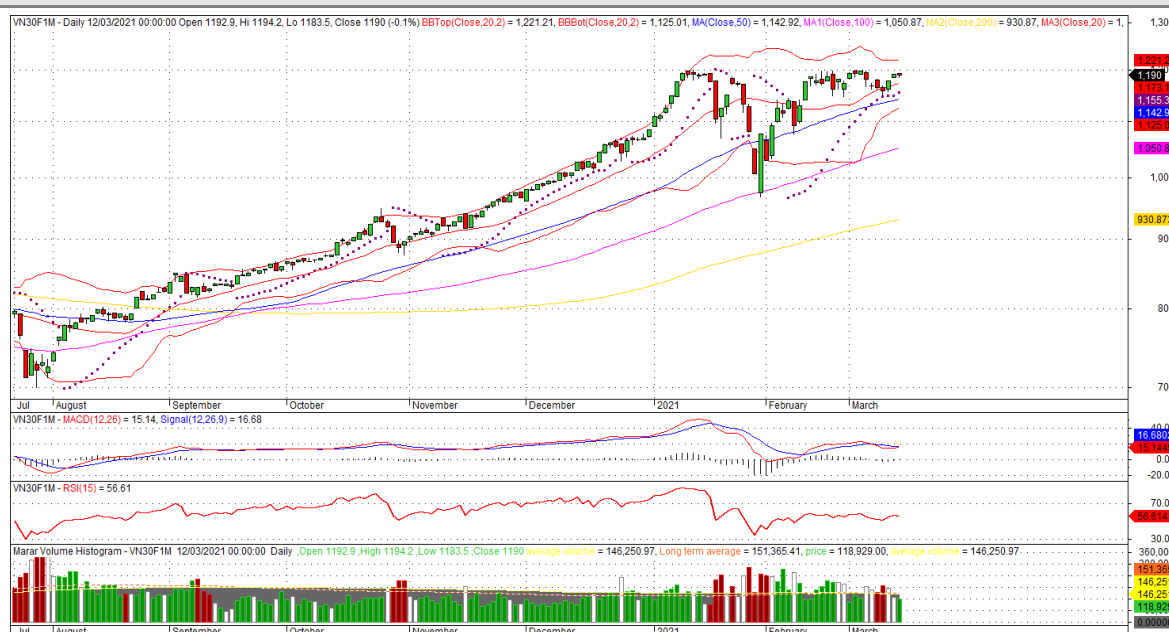
Nhận định phái sinh

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	2	TRUNG TÍNH

- VN30F1M hiện tại đang giao dịch đi ngang vùng giá trên 1,190 tiệm cận tới ngưỡng kháng cự 1,200 điểm.
- Tuần sau, hợp đồng phái sinh VN30F2103 được đáo hạn vì vậy sẽ có nhiều biến động đặc biệt khi tiệm cận với ngưỡng 1,200 (đây là lần kiểm định lần thứ 3) sẽ có nhiều rủi ro. Vì vậy chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư không nên mở vị thế mới.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fiinpro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.15	3,153,585	4	KHẢ QUAN	3,581	11.6	1.0
ACB	32.95	11,251,445	0	TRUNG TÍNH	71,223	9.3	2.0
ASM	16.4	3,978,315	2	TRUNG TÍNH	4,245	8.5	0.9
BID	43.35	1,856,805	0	TRUNG TÍNH	174,354	24.9	2.3
BSR	16.5	17,719,824	4	KHẢ QUAN	51,158	18.4	1.5
BVH	60.5	692,505	2	TRUNG TÍNH	44,911	29.0	2.2
CEO	12	5,165,705	4	KHẢ QUAN	3,088	#N/A N/A	1.1
CII	23.75	2,589,905	6	KHẢ QUAN	5,672	20.0	1.2
CTD	77.8	869,970	4	KHẢ QUAN	5,779	13.5	0.7
CTG	37.95	9,945,140	-2	TRUNG TÍNH	141,303	10.3	1.7
CTR	102	557,295	3	TRUNG TÍNH	7,322	39.7	8.1
DBC	58	2,171,890	4	KHẢ QUAN	6,076	4.2	1.4
DCM	16.55	4,611,920	2	TRUNG TÍNH	8,762	16.1	1.4
DGC	72.8	911,105	7	KHẢ QUAN	10,830	12.7	2.8
DGW	116.4	374,065	5	KHẢ QUAN	5,005	19.7	4.4
DIG	31.8	4,527,750	-2	TRUNG TÍNH	10,015	15.2	2.1
DPM	18.95	2,822,725	2	TRUNG TÍNH	7,416	11.4	0.9
DRC	27.8	1,959,675	0	TRUNG TÍNH	3,302	12.9	2.0
DXG	24	8,287,205	0	TRUNG TÍNH	12,439	#N/A N/A	2.0
FCN	14.7	3,234,715	4	KHẢ QUAN	1,844	15.6	0.8
FLC	6.9	17,497,630	7	KHẢ QUAN	4,899	30.6	0.5
FPT	76.5	2,501,625	-4	TIÊU CỰC	59,969	16.9	3.8
FRT	28.9	1,474,565	6	KHẢ QUAN	2,283	92.3	1.9
GAS	91.1	1,230,305	2	TRUNG TÍNH	174,361	22.6	3.6
GEX	22.7	5,576,805	2	TRUNG TÍNH	10,941	13.6	1.6
GIL	71.1	704,245	4	KHẢ QUAN	2,558	6.1	1.9
GMD	32	2,370,725	-6	TIÊU CỰC	9,644	28.2	1.6
GTN	26	1,670,330	0	TRUNG TÍNH	6,500	63.6	2.5
GVR	30.9	4,482,460	7	KHẢ QUAN	123,600	28.9	2.6
HAG	5.06	7,019,905	6	KHẢ QUAN	4,693	#N/A N/A	0.7
HAH	24.9	1,773,615	0	TRUNG TÍNH	1,180	9.1	1.1
HBC	18.4	8,119,705	0	TRUNG TÍNH	4,248	57.0	1.2
HCM	32.5	4,829,045	6	KHẢ QUAN	9,914	18.7	2.2
HDB	26.65	4,374,810	2	TRUNG TÍNH	42,474	10.0	1.8
HDC	45.5	1,133,650	4	KHẢ QUAN	3,026	13.1	2.7
HDG	47	1,797,095	4	KHẢ QUAN	7,251	7.5	2.3
HNG	12.3	7,963,950	6	KHẢ QUAN	13,635	634.6	1.6
HPG	46.45	22,298,430	2	TRUNG TÍNH	153,902	11.5	2.6
HPX	36.65	1,019,865	-2	TRUNG TÍNH	9,694	35.3	3.0
HQC	3.08	14,750,050	7	KHẢ QUAN	1,468	153.0	0.3
HSG	28.2	10,110,225	0	TRUNG TÍNH	12,529	8.3	1.8
HUT	6.1	6,076,795	4	KHẢ QUAN	1,639	#N/A N/A	0.6
HVN	30.45	1,351,365	4	KHẢ QUAN	43,187	#N/A N/A	6.7
IDC	37.3	4,759,325	-6	TIÊU CỰC	11,190	37.1	3.1
IJC	30.95	7,428,380	-2	TRUNG TÍNH	6,719	12.1	2.1
ITA	6.92	9,533,445	7	KHẢ QUAN	6,493	37.3	0.6
KBC	39.8	5,397,465	1	TRUNG TÍNH	18,696	109.5	1.9
KDC	51	1,193,675	4	KHẢ QUAN	11,666	51.2	2.0
KDH	31.15	1,613,100	-4	TIÊU CỰC	17,407	15.2	2.1
KSB	34.2	2,007,970	2	TRUNG TÍNH	2,279	8.1	1.4
LCG	16.65	5,494,985	2	TRUNG TÍNH	1,919	6.2	1.1
LDG	7.71	5,913,310	4	KHẢ QUAN	1,846	154.2	0.6

LPB	16.5	13,493,760	7	KHẢ QUAN	17,732	9.5	1.2
MBB	28.25	19,881,500	0	TRUNG TÍNH	79,065	9.5	1.7
MBS	23.7	1,944,820	2	TRUNG TÍNH	3,894	14.5	1.9
MSN	87.3	1,330,910	-4	TIÊU CỰC	102,550	82.8	6.4
MWG	131.1	1,076,325	-4	TIÊU CỰC	61,109	15.1	3.8
NKG	21.8	6,290,335	4	KHẢ QUAN	3,750	12.8	1.2
NLG	36.1	1,924,620	0	TRUNG TÍNH	9,937	12.1	1.7
NVB	15	6,097,815	0	TRUNG TÍNH	6,102	5,034.7	1.4
NVL	82.2	2,210,520	2	TRUNG TÍNH	87,457	20.7	3.2
OIL	15	2,613,250	6	KHẢ QUAN	15,513	67.3	1.6
PDR	67.2	3,751,000	5	KHẢ QUAN	26,623	22.7	5.2
PET	22.2	2,384,425	7	KHẢ QUAN	1,855	13.8	1.2
PHR	62	947,240	-2	TRUNG TÍNH	8,401	7.8	2.6
PLX	55.6	2,831,155	-6	TIÊU CỰC	67,766	88.1	3.2
PNJ	83.6	497,990	-2	TRUNG TÍNH	19,008	17.7	3.6
POW	13.75	14,561,900	4	KHẢ QUAN	32,201	14.7	1.1
PVD	24	12,814,815	-2	TRUNG TÍNH	10,107	84.4	0.7
PVS	24.2	14,779,395	0	TRUNG TÍNH	11,567	17.8	1.0
PVT	18.05	5,579,105	0	TRUNG TÍNH	5,842	9.2	1.2
REE	55.5	1,003,970	-4	TIÊU CỰC	17,152	10.6	1.5
ROS	3.63	14,660,415	5	KHẢ QUAN	2,060	1,210.0	0.3
S99	31.3	2,031,520	-2	TRUNG TÍNH	1,641	10.1	2.1
SBT	23.8	4,481,420	7	KHẢ QUAN	14,688	25.2	1.9
SCR	9.07	3,907,690	6	KHẢ QUAN	3,323	18.7	0.7
SHB	17.7	25,270,164	7	KHẢ QUAN	30,984	11.3	1.3
SHS	27.9	7,466,775	4	KHẢ QUAN	5,783	7.7	1.8
SSI	33.5	13,225,420	-2	TRUNG TÍNH	20,067	16.0	2.0
STB	19.2	22,180,910	4	KHẢ QUAN	34,630	12.9	1.2
SZC	42.5	1,076,015	2	TRUNG TÍNH	4,250	22.8	3.4
TCB	40.05	14,279,770	2	TRUNG TÍNH	140,371	11.4	1.9
TCH	22.65	5,102,345	6	KHẢ QUAN	8,002	8.8	1.6
TDC	23	1,577,110	0	TRUNG TÍNH	2,300	13.8	1.8
TNG	24.5	2,807,550	0	TRUNG TÍNH	1,813	11.7	1.6
TPB	28.6	3,952,395	0	TRUNG TÍNH	29,505	8.2	1.8
VCB	95.8	1,425,660	-2	TRUNG TÍNH	355,310	19.3	3.6
VCI	58.8	1,059,375	6	KHẢ QUAN	9,737	12.6	2.2
VG T	19.8	2,315,675	0	TRUNG TÍNH	9,900	35.2	1.6
VHC	42.35	1,215,035	2	TRUNG TÍNH	7,705	10.9	1.5
VHM	99.9	2,801,060	-4	TIÊU CỰC	328,622	11.8	3.8
VIB	43.45	833,340	2	TRUNG TÍNH	48,203	10.4	2.7
VIC	105.9	1,329,875	-4	TIÊU CỰC	358,199	67.5	4.6
VIX	38.75	5,964,070	-2	TRUNG TÍNH	4,949	15.1	2.8
VJC	135	680,585	-4	TIÊU CỰC	70,718	1,022.1	4.7
VND	29.4	4,781,985	6	KHẢ QUAN	6,171	8.8	1.6
VNM	102.2	3,088,095	-2	TRUNG TÍNH	213,593	21.4	6.8
VPB	44.5	6,245,455	7	KHẢ QUAN	109,236	10.4	2.1
VPI	35.45	1,238,580	0	TRUNG TÍNH	7,090	23.1	2.6
VRE	34.65	5,064,900	4	KHẢ QUAN	78,736	33.1	2.7

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Biden ký luật cứu trợ 1.900 tỷ USD

Dự luật giải cứu khổng lồ trước đó được Thượng viện và Hạ viện thông qua, đánh dấu thắng lợi lớn của Biden trong những tháng đầu nhiệm kỳ. Chánh văn phòng Nhà Trắng Ron Klain cho biết ban đầu Tổng thống lên kế hoạch ký luật vào 12/3, nhưng đẩy lên sớm hơn sau khi Hạ viện chuyển đến Nhà Trắng đêm 10/3.

"Chúng tôi muốn xúc tiến càng nhanh càng tốt", Klain đăng trên Twitter.

Luật cứu trợ, lớn thứ hai trong lịch sử Mỹ sau đạo luật CARES hai nghìn tỷ USD năm ngoái, gồm 1.400 tỷ USD phân phối cho hầu hết người Mỹ, 350 tỷ USD cho các chính quyền bang, địa phương và 130 tỷ USD cho các trường học. Luật cũng sẽ cung cấp 49 tỷ USD để mở rộng xét nghiệm, truy vết và nghiên cứu Covid-19, cũng như 14 tỷ USD để phân phối vaccine.

Chứng khoán châu Á tăng sau phiên Phố Wall lập đỉnh

Chỉ số MSCI châu Á – Thái Bình Dương không gồm Nhật Bản tăng 0,14%.

Tại Nhật Bản, Nikkei 225 tăng 0,3% trong khi Topix tăng 0,77%.

Thị trường Trung Quốc đi xuống với Shanghai Composite giảm 0,2% còn Shenzhen Component giảm 0,61%. Hang Seng của Hong Kong giảm 0,32%.

Chỉ số KOSPI của Hàn Quốc tăng 1,31%, Kosdaq tăng 1,04%. Cổ phiếu công nghệ đi lên như Samsung tăng 1,22%, SK Hynix tăng 2,92%, LG Electronics tăng 3,05%.

ASX 200 của Australia tăng 0,82%, hầu hết lĩnh vực giao dịch trong sắc xanh.

Giá lúa cao kỷ lục

Sáng 9/3, anh Trần Linh Dũng (45 tuổi, ngụ phường 3, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng) thu hoạch lúa, giống dài thơm 8. Thương lái cho xe đến tận ruộng phía sau bến xe Sóc Trăng để mua với giá 6,9 triệu đồng một tấn.

Anh Dũng cho biết lần đầu tiên bán lúa với giá cao như vậy. Những năm trước, gia đình thầy giáo này bán lúa chỉ với giá 4,7-5,9 triệu đồng mỗi tấn.

Trao đổi với Zing, ông Nguyễn Trung Kiên, Phó chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), xác nhận giá lúa đang cao nhất từ trước đến nay.

Theo ông Kiên, giá lúa tăng cao do nhu cầu của thị trường lớn. Có rất nhiều doanh nghiệp đang mua nhiều lúa để chế biến gạo xuất khẩu vì hạt gạo Việt Nam ổn định về chất lượng, được thị trường thế giới ưa chuộng.

VFA cho biết hiện giá gạo xuất khẩu 5% tấm của Việt Nam đạt 513-517 USD/tấn, với gạo 25% tấm là 488-492 USD/tấn.

Trung Quốc hạn chế sản lượng thép, giá quặng sắt chạm đáy 2 tuần

Giá thép tại Trung Quốc đã phục hồi sau kỳ nghỉ tết Âm lịch tháng 2, thúc đẩy nhu cầu nguyên liệu quan trọng là quặng sắt, "nhưng những hạn chế hoạt động tại Đường Sơn đang gây áp lực giảm, ít nhất là trong thời gian này", Richard Lu, nhà phân tích cấp cao tại công ty tư vấn CRU, Bắc Kinh, nói.

Giá hợp đồng quặng sắt giao tháng 5 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) có lúc giảm tới 4% về 1.100 nhân dân tệ (168,43 USD)/tấn, thấp nhất kể từ ngày 24/2.

Giá hợp đồng quặng sắt giao tháng 4 trên sàn Singapore giảm tới 3,2% xuống 162,1 USD/tấn, thấp nhất kể từ ngày 25/2.

Foxconn sẽ đầu tư 700 triệu USD vào Việt Nam trong năm nay, tăng 10.000 việc làm, doanh thu dự kiến 10 tỷ USD

Taiwan News đưa tin Tập đoàn Công nghệ Foxconn, nhà sản xuất hàng điện tử theo hợp đồng lớn nhất thế giới, sẽ đầu tư 700 triệu USD (19,83 tỷ Đài tệ) vào Việt Nam vào năm 2021, trong khi doanh thu của tập đoàn này tại Việt Nam dự kiến có thể đạt 10 tỷ USD một báo cáo cho biết hôm thứ Tư (10/3).

Foxconn đã đầu tư 1,5 tỷ USD vào Việt Nam, tính đến cuối năm 2020. Kế hoạch mới nhất của họ là sẽ tăng thêm 10.000 việc làm tại Việt Nam trong năm nay, CNA đưa tin.

Một trong những dự án của công ty là nhà máy Công ty Công nghệ Fukang trị giá 270 triệu USD ở Bắc Giang, do Foxconn Singapore PTE Ltd. làm chủ đầu tư.

Nhà máy này dự kiến sẽ sản xuất 8 triệu sản phẩm mỗi năm, bao gồm iPad và MacBook.

"Đây dường như là kết quả của việc Apple yêu cầu các nhà cung cấp chuyển dây chuyền sản xuất của họ ra khỏi Trung Quốc", Taiwan News nhận định.

Tổng doanh thu của Foxconn tại Việt Nam lên tới 3 tỷ USD vào năm 2019, 6 tỷ USD vào năm 2020 và có thể đạt 10 tỷ USD trong năm nay. 40 tỷ USD là mục tiêu được đề cập có thể đạt được trong vòng 3-5 năm tới.

Xuất khẩu gạo 2 tháng đầu năm giảm hơn 31%

Cục Chế biến & Phát triển thị trường nông sản cho biết sản lượng xuất khẩu gạo tháng 2 ước đạt 290.000 tấn trị giá 160 triệu USD, nâng tổng sản lượng xuất khẩu 2 tháng đầu năm lên 638.000 tấn đạt 352 triệu USD, giảm 31,4% về khối lượng và giảm 18,3% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.

Digiworld đề xuất chia cổ tức cổ phiếu 100%, bán quyền chọn cho nhân viên giá 120.000 đồng/cp

Digiworld (HoSE: DGW) vừa công bố tài liệu hợp ĐHCĐ thường niên năm 2021. Công ty đặt chỉ tiêu doanh thu 15.200 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 300 tỷ đồng, lần lượt tăng hơn 21% và gần 19% so với năm trước.

Năm 2020 công ty phân phối này đạt 253 tỷ đồng. Với kết quả đạt được, HĐQT đề xuất mức chia cổ tức tổng tỷ lệ 110%; trong đó cổ tức tiền mặt 10% và cổ tức cổ phiếu 100%. Thời gian thực hiện trong quý II-III năm nay.

Digiworld đang có 43 triệu cổ phiếu đang lưu hành, như vậy số tiền chia cổ tức là 43 tỷ đồng và lượng cổ phiếu phát hành thêm là 43 triệu cổ phiếu. Vốn điều lệ công ty dự kiến tăng thành 860 tỷ đồng.

HĐQT còn đề xuất phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2021, khối lượng tối đa 2,5% lượng cổ phiếu đang lưu hành. Giá bán không vượt quá 10.000 đồng/cp.

Một tờ trình khác là phát hành quyền chọn mua cổ phần cho người lao động, khối lượng tối đa 2,5% lượng cổ phiếu đang lưu hành. Giá thực hiện quyền chọn mua 120.000 đồng/cp (giá sẽ điều chỉnh nếu phương án này thực hiện sau phương án chia cổ tức cổ phiếu).

VNDirect muốn chào bán hơn 220 triệu cổ phiếu, đặt 3 kịch bản kinh doanh năm 2021

Theo tài liệu ĐHCĐ mà phía VNDirect (HoSE: VND) công bố, công ty chứng khoán này đặt ra 3 kịch bản kinh doanh năm 2021 cho công ty mẹ.

Ở kịch bản cơ sở, VNDirect kỳ vọng doanh thu công ty mẹ năm 2021 đạt 2.556 tỷ đồng, tăng 20% so với mức thực hiện năm 2020.

Trong đó, doanh thu từ dịch vụ chứng khoán dự kiến tăng mạnh ở mức 47%, đạt 1.080 tỷ đồng. Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý cũng dự kiến tăng lần lượt 14% và 15% so với chi phí phát sinh trong năm 2020.

Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ mục tiêu năm 2021 là 880 tỷ đồng, tăng trưởng ở mức 28%.

Ở kịch bản tích cực, VNDirect kỳ vọng công ty mẹ sẽ thu về 1.281 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 50% so với mức thực hiện năm 2020. Ngược lại, ở kịch bản tiêu cực, kế hoạch lãi trước thuế đi lùi với con số dự kiến thu về là 827 tỷ đồng, sụt giảm ở mức 3%.

Một nội dung quan trọng khác mà VNDirect dự kiến trình đại hội là phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, công ty chứng khoán này muốn phát hành thêm tối đa là hơn 220 triệu cổ phiếu mới cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền mua là 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ có 1 quyền mua, 1 quyền mua được mua 1 cổ phiếu phát hành thêm).

DIC Corp vay Sacombank 1.900 tỷ đồng đầu tư dự án khu đô thị mới Bắc Vũng Tàu

DIC Corp (HoSE: DIG) công bố nghị quyết HĐQT duyệt phương án đầu tư khu đô thị Bắc Vũng Tàu – giai đoạn 1 (khu C). Theo đó, doanh nghiệp đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt trên diện tích khoảng 20 ha tại khu C, góp phần từng bước hoàn thành việc đầu tư khu đô thị mới Bắc Vũng Tàu.

Dự án thuộc địa phận phường 12, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, diện tích đất 199.627 m². Tổng đầu tư sau thuế là 3.822 tỷ đồng, nguồn thực hiện là vốn vay và vốn doanh nghiệp tự thu xếp. Thời gian hoàn thành xây dựng là quý IV/2022.

Đồng thời, HĐQT cũng thông qua chủ trương vay Sacombank chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền tối đa 1.900 tỷ đồng để thanh toán chi phí đầu tư hạ tầng khu đô thị mới Bắc Vũng Tàu – giai đoạn 1 (lô số 3 – khu C). Tài sản thế chấp chính cho khoản vay là toàn bộ tài sản và quyền tài sản phát sinh từ dự án.

Vào đầu năm 2021, DIC Corp đã tổ chức họp ĐHCĐ bất thường để thông qua phương án phát hành 75 triệu cổ phiếu riêng lẻ để huy động vốn đầu tư dự án Khu đô thị Bắc Vũng Tàu. Giá chào bán do HĐQT quyết định nhưng không thấp hơn 20.000 đồng/cp, thời gian thực hiện dự kiến quý II.

Toàn bộ dự án khu đô thị Bắc Vũng Tàu có tổng đầu tư 10.048 tỷ đồng, trong đó chi phí đền bù 4.680 tỷ, tiền sử dụng đất 3.240 tỷ và chi phí xây dựng 668 tỷ đồng. DIC Corp dự kiến thu xếp vốn cho dự án từ vốn tự có và huy động khác 7.063 tỷ đồng, vay vốn 3.417 tỷ đồng. Tổng thu từ dự án ước đạt 22.610 tỷ đồng gồm thu từ đất kinh doanh 20.272 tỷ đồng, thu chi phí đầu tư hạ tầng các công trình công cộng 2.337 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế dự án là 9.518 tỷ đồng.

Nhiệt điện Phả Lại lên kế hoạch lãi 2021 thấp nhất 7 năm

Theo báo cáo thường niên, Công ty Nhiệt điện Phả Lại (HoSE: PPC) đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 gồm sản lượng điện sản xuất 4,4 tỷ kWh, điện thương phẩm 3,6 tỷ kWh; lần lượt giảm 24% và 32% so với thực hiện năm trước.

Về chỉ tiêu tài chính, công ty lên kế hoạch tổng doanh thu 5.658 tỷ, giảm 32%; lãi trước thuế 343 tỷ, giảm 72%; chia cổ tức tỷ lệ 8%.

PPC thường đặt kế hoạch kinh doanh thấp và sau đó thực hiện vượt mạnh. Tuy nhiên, kế hoạch lợi nhuận 2021 là thấp nhất kể từ 2014, giai đoạn 2017-2020 doanh nghiệp đề ra kế hoạch lợi nhuận luôn trên 700 tỷ đồng mỗi năm.

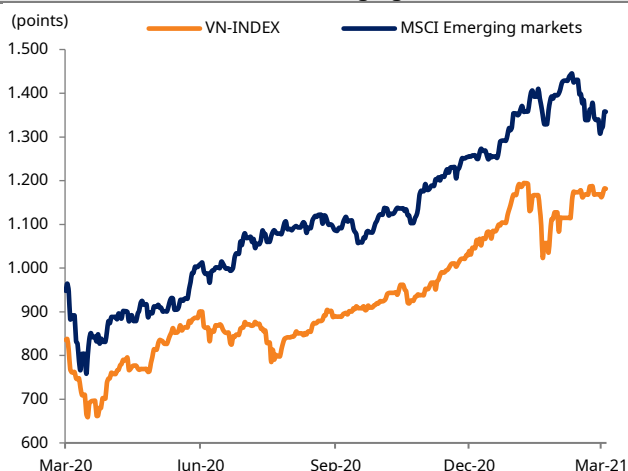
BIDV đặt mục tiêu lãi tăng 44%, nâng vốn thêm 8.000 tỷ đồng

Theo tài liệu họp thường niên 2021 của BIDV (HoSE: BID), ngân hàng đặt mục tiêu lợi nhuận 13.000 tỷ đồng, tăng 44% so với năm 2020. Dự nợ tín dụng lên kế hoạch tăng 10-12%, đảm bảo tuân thủ giới hạn tín dụng do NHNN giao. Huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn, cân đối với tốc độ tăng trưởng tín dụng, dự kiến cao hơn 12-15% so với đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát không vượt 1,6%.

HĐQT BIDV cũng trình cổ đông phương án tăng vốn điều lệ năm 2021, thêm 8.304 tỷ đồng lên 48.524 tỷ, tương đương tăng 20,6%. Ngân hàng sẽ phát hành 207,3 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 (tỷ lệ 5,2%) và 281,5 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020, tỷ lệ 7%. Bên cạnh đó, ngân hàng dự kiến chào bán ra công chúng hoặc riêng lẻ thêm 341,5 triệu cổ phiếu.

Thời gian thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến trong quý III, IV, trong khi chào bán cổ phiếu mới giai đoạn 2021-2022 sau khi được chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



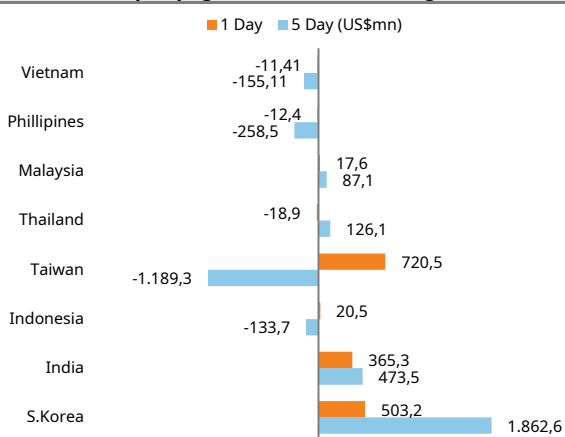
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



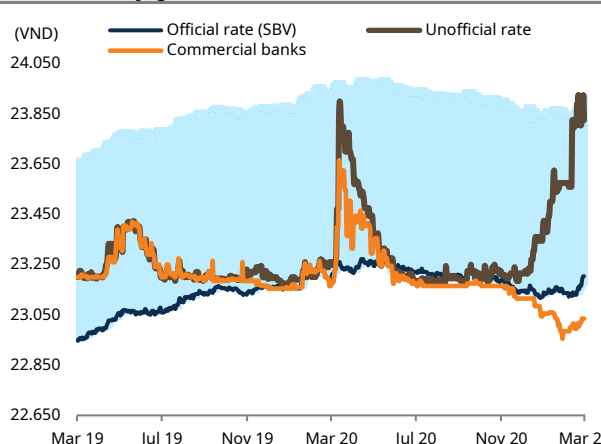
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



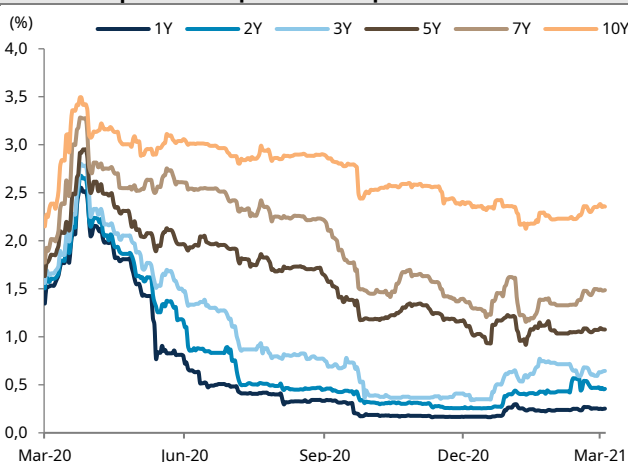
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



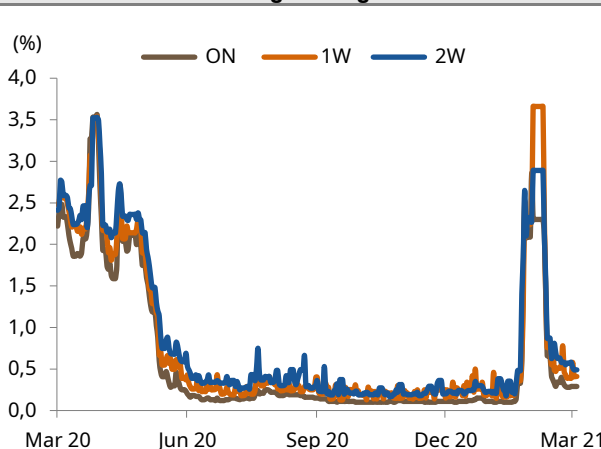
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN30 Index	VN30 Index	1,187.81	3,070,011		-0.1	1.2	5.2	65.2	15.3	13.0	2.3	1.9	18.1	19.4	19.2	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	43,350	174,354	17.2	0.1	2.2	6.3	18.1	18.0	11.8	2.0	1.8	52.2	13.2	16.9	
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	60,500	44,911	27.8	0.0	2.5	1.0	42.5	27.6	22.1	2.1	2.0	25.0	8.2	9.5	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	37,950	141,303	28.0	-0.7	-0.1	7.2	74.1	8.5	7.9	1.4	1.3	7.6	18.1	17.1	
CTCP FPT	FPT VN	76,500	59,969	49.0	-0.3	0.8	2.5	82.9	15.2	13.1	3.4	3.0	15.9	25.1	25.8	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	91,100	174,361	2.9	-1.7	-1.5	12.1	53.4	17.3	17.1	3.3	NA	1.2	19.6	19.0	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	26,650	42,474	17.0	0.9	3.1	10.6	92.9	8.2	6.9	NA	NA	19.7	19.5	18.7	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	46,450	153,902	30.5	0.1	1.0	11.1	189.6	9.2	8.3	2.1	1.7	11.5	25.9	23.3	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	31,150	17,407	35.7	-1.3	-1.0	-2.4	51.1	14.2	10.8	2.0	1.7	31.8	15.5	17.6	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	28,250	79,065	23.1	0.0	3.3	14.1	93.4	7.8	6.5	1.4	1.2	19.2	20.1	20.1	
Tập đoàn Masan	MSN VN	87,300	102,550	32.3	0.0	-2.1	-1.6	74.8	40.9	22.5	5.0	4.1	81.9	14.6	20.9	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	131,100	61,109	49.0	-1.1	-0.8	1.2	61.3	12.3	9.6	3.0	2.6	28.3	28.4	28.7	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	82,200	87,457	6.7	-0.8	2.9	4.1	57.5	21.8	20.2	2.6	2.2	7.7	10.4	9.4	
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	67,200	26,623	1.3	0.6	7.3	7.0	218.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	55,600	67,766	16.0	0.0	-4.1	4.9	46.1	20.9	17.0	2.9	2.8	23.3	15.9	17.2	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	83,600	19,008	49.0	-0.5	-0.2	0.0	31.0	15.3	12.1	3.2	2.5	26.0	23.2	24.7	
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,750	32,201	5.8	-0.4	2.2	11.3	63.9	14.8	13.1	1.1	1.0	13.0	7.5	7.9	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	55,500	17,152	49.0	0.0	0.2	-2.6	98.2	9.6	8.0	1.4	1.2	19.9	14.7	15.3	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	23,800	14,688	7.9	4.8	6.0	8.7	39.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	33,500	20,067	42.9	-1.3	0.1	5.5	186.8	14.0	14.0	NA	NA	0.5	13.5	12.8	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	19,200	34,630	9.3	-0.5	2.7	5.8	93.0	13.2	8.0	1.2	1.0	66.0	9.1	13.5	
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	40,050	140,371	22.5	-0.2	2.2	11.3	123.1	9.5	8.2	1.6	1.3	15.1	18.2	17.6	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,650	8,002	5.5	-0.7	3.2	6.3	-3.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	28,600	29,505	30.0	0.0	0.4	6.5	72.1	7.6	5.4	1.4	1.2	38.8	23.3	24.1	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	95,800	355,310	23.6	-0.5	-0.6	-1.4	33.6	17.0	13.6	3.0	2.6	24.7	20.5	21.6	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	99,900	328,622	22.4	-0.1	1.5	3.2	38.8	10.7	8.9	2.9	2.2	19.4	30.5	28.2	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	105,900	358,199	14.0	0.0	-0.4	-0.3	15.4	46.4	34.7	3.8	3.4	33.5	8.7	11.3	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	135,000	70,718	19.3	-0.8	-1.3	4.7	33.7	65.4	23.1	4.3	3.5	182.7	7.6	18.8	
CTCP Sửa Việt Nam	VNM VN	102,200	213,593	56.9	-0.6	-0.8	-5.4	21.5	19.6	18.0	6.3	5.6	8.7	36.9	36.6	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	44,500	109,236	23.4	1.7	6.5	15.6	97.3	9.1	7.6	1.7	1.4	19.0	20.4	19.9	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	34,650	78,736	31.0	0.9	0.3	9.8	43.2	27.0	20.9	2.4	2.2	29.5	9.6	11.4	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*	ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21
VN-Index	12.87	4,415,908	0.0	1.1	6.0	53.6	18.2	14.9	2.5	2.38	21.9	13.7	17.9
Ô tô và phụ tùng	0.05	8,281	-0.6	2.4	7.3	49.7	6.1	5.7	1.1	1.0	25.5	11.1	10.8
Ngân hàng	6.06	1,315,448	0.0	1.8	7.7	53.5	12.4	9.9	1.9	1.6	18.8	17.9	18.5
Xây dựng cơ bản	1.02	176,283	0.4	2.4	9.3	95.7	5.4	4.5	0.4	0.3	NA	5.6	5.6
Dịch vụ thương mại	0.02	4,723	0.0	1.3	2.2	31.4	6.9	5.5	NA	NA	-29.6	11.3	13.2
May mặc và trang sức	0.22	38,087	-0.5	2.4	8.5	142.7	11.7	9.4	2.3	1.8	-5.9	18.4	18.1
Dịch vụ tiêu dùng	-0.27	9,743	-0.9	-4.0	12.2	58.4	14.4	5.0	NA	NA	NA	3.8	9.9
Dịch vụ tài chính	0.65	69,145	-0.5	3.9	12.8	141.8	8.5	4.1	NA	NA	50.5	8.2	3.7
Năng lượng	-0.94	87,029	-0.1	-3.9	6.5	62.6	21.3	16.5	2.5	2.4	-63.0	13.5	14.8
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.00	543,465	0.1	0.1	-0.6	42.6	21.1	15.9	4.5	4.0	-14.3	23.0	24.2
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.01	968	0.4	3.9	14.8	46.4	NA	NA	NA	NA	-39.0	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.12	12,855	0.8	3.6	31.1	6.1	7.5	6.6	NA	NA	51.2	24.2	24.3
Bảo hiểm	0.41	51,889	0.1	3.1	2.1	39.4	24.5	19.7	1.9	1.8	28.9	7.5	8.7
Nguyên vật liệu	2.84	389,086	1.4	2.9	18.3	111.8	14.7	14.7	1.0	0.8	59.6	15.9	14.4
Giải trí và truyền thông	0.00	1,251	-0.5	1.0	1.0	-44.0	NA	NA	NA	NA	-61.6	NA	NA
Dược phẩm	0.22	35,341	0.4	2.5	5.2	29.5	NA	NA	NA	NA	11.9	NA	NA
Bất động sản	3.36	1,076,016	-0.1	1.2	3.2	43.8	9.1	8.2	1.7	1.6	-25.3	9.8	9.8
Bán lẻ	-0.10	69,375	-0.9	-0.5	1.5	63.2	23.1	17.9	2.6	2.2	-2.5	14.7	15.1
Phần mềm và dịch vụ	0.19	64,144	-0.3	1.1	3.1	81.1	11.4	8.9	2.7	2.3	10.2	25.6	25.9
Thiết bị và phần cứng	0.06	5,005	4.4	4.7	37.1	430.3	14.2	12.2	3.2	2.8	48.6	23.4	24.1
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,147	-6.1	0.6	16.5	281.8	13.4	10.8	3.4	2.7	14.2	26.9	26.6
Vận tải	-0.88	175,220	-0.2	-1.7	7.2	44.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.38	264,784	-1.4	-0.5	10.5	47.5	29.2	11.2	2.1	1.7	-28.7	-9.3	3.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
GVR VN	30,900	6.37	4,455,000	1.97
VPB VN	44,500	6.46	5,896,820	1.77
VHM VN	99,900	1.52	2,221,960	1.32
OCB VN	24,700	16.78	8,502,380	1.04
BID VN	43,350	2.24	2,058,260	1.02
TCB VN	40,050	2.17	10,773,460	0.80
MBB VN	28,250	3.29	16,275,560	0.67
NVL VN	82,200	2.88	2,521,980	0.65
PDR VN	67,200	7.35	4,340,680	0.49
HPG VN	46,450	0.98	15,512,620	0.40

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
PLX VN	55,600	-4.14	3,456,020	-0.78
GAS VN	91,100	-1.51	815,260	-0.72
MSN VN	87,300	-2.13	1,069,380	-0.60
VCB VN	95,800	-0.62	1,235,920	-0.59
LGC VN	67,000	-13.99	5,300	-0.56
VNM VN	102,200	-0.78	3,172,600	-0.45
VIC VN	105,900	-0.38	1,157,000	-0.36
VJC VN	135,000	-1.32	579,940	-0.25
VGC VN	33,900	-5.70	244,680	-0.25
RIC VN	29,950	-30.27	1,400	-0.24

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.